

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 của các huyện: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành và thành phố Tam Kỳ;

Theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 449/TTr-STNMT ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng

Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ với các nội dung như sau:

Bổ sung 41 danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ (gồm 40 danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách và 01 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách) vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ; với tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 30,87 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 19,47 ha; đất trồng lúa nước còn lại 3,21 ha, đất rừng phòng hộ 8,19 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp				
				Tổng cộng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG	41	216,28	30,87	19,47	3,21	8,19	-
*	Vốn ngân sách	40	212,99	30,59	19,47	3,15	7,97	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	3,29	0,28	-	0,06	0,22	-
1	HUYỆN PHƯỚC SƠN	2	49,00	0,17	-	-	0,17	-
1.1	Vốn ngân sách	2	49,00	0,17	-	-	0,17	-
2	HUYỆN HIỆP ĐỨC	1	50,05	2,36	2,36	-	-	-
2.1	Vốn ngân sách	1	50,05	2,36	2,36	-	-	-
3	HUYỆN NÔNG SƠN	4	7,60	0,98	0,98	-	-	-
3.1	Vốn ngân sách	4	7,60	0,98	0,98	-	-	-
4	HUYỆN QUẾ SƠN	7	9,48	4,44	3,45	0,99	-	-
4.1	Vốn ngân sách	7	9,48	4,44	3,45	0,99	-	-
5	HUYỆN DUY XUYỀN	2	1,81	1,37	1,35	0,02	-	-
5.1	Vốn ngân sách	2	1,81	1,37	1,35	0,02	-	-
6	HUYỆN THĂNG BÌNH	6	18,68	3,39	3,31	0,03	0,05	-
6.1	Vốn ngân sách	6	18,68	3,39	3,31	0,03	0,05	-
7	HUYỆN PHÚ NINH	1	2,50	0,25	-	0,25	-	-
7.1	Vốn ngân sách	1	2,50	0,25	-	0,25	-	-
8	HUYỆN BẮC TRÀ MY	3	3,62	0,61	0,33	0,06	0,22	-
8.1	Vốn ngân sách	2	0,33	0,33	0,33	-	-	-
8.2	Vốn ngoài ngân sách	1	3,29	0,28	-	0,06	0,22	-
9	HUYỆN NAM TRÀ MY	2	18,70	1,30	-	1,30	-	-
9.1	Vốn ngân sách	2	18,70	1,30	-	1,30	-	-
10	HUYỆN NÚI THÀNH	7	50,36	14,23	6,43	0,28	7,52	-
10.1	Vốn ngân sách	7	50,36	14,23	6,43	0,28	7,52	-
11	THÀNH PHỐ TAM KỲ	6	4,48	1,77	1,26	0,28	0,23	-
11.1	Vốn ngân sách	6	4,48	1,77	1,26	0,28	0,23	-

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ chịu trách nhiệm:

- Thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được bổ sung và triển khai thực hiện các thủ tục đất đai, đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật danh mục dự án vào kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của địa phương theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của địa phương.

- Cập nhật các danh mục bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Rà soát chỉ tiêu sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ của địa phương theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt; trường hợp vượt chỉ tiêu, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi trình HĐND tỉnh xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và HĐND tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ và chủ đầu tư các dự án triển khai thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định và tham mưu UBND tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

- Thực hiện thủ tục thu hồi đất các khu dân cư, khu đô thị theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ ở các địa phương.

4. Các Sở, Ban, ngành chức năng phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố liên quan có kế hoạch triển khai thực hiện các danh mục dự án đã được phê duyệt của ngành, đơn vị mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải; Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Phước Sơn,

Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Huyện ủy và HĐND các huyện, thành phố: Phước Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Phú Ninh, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Tam Kỳ;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân

Phụ lục

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2022
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ: PHƯỚC SƠN, HIỆP ĐỨC, NÔNG SƠN, QUẾ SƠN, DUY XUYỀN, THẮNG BÌNH,
PHÚ NINH, BẮC TRÀ MY, NAM TRÀ MY, NÚI THÀNH, TAM KỲ**

(Kèm theo Quyết định số: 2073 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
	TỔNG CỘNG (41 danh mục)		216,28	30,87	19,47	3,21	8,19	-	
*	Vốn ngân sách (40 danh mục)		212,99	30,59	19,47	3,15	7,97	-	
*	Vốn ngoài ngân sách (01 danh mục)		3,29	0,28	-	0,06	0,22	-	
I	HUYỆN PHƯỚC SƠN (02 danh mục)		49,00	0,17	-	-	0,17	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (02 danh mục)		49,00	0,17	-	-	0,17	-	
*	Vốn ngân sách (02 danh mục)		49,00	0,17	-	-	0,17	-	
1	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành)	Xã Phước Kim và xã Phước Thành	34,00	0,13			0,13		Quyết định 2313/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành), huyện Phước Sơn
2	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH2.PS (đoạn Phước Thành - Phước Lộc)	Xã Phước Thành và xã Phước Lộc	15,00	0,04			0,04		Quyết định 2314/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục, tái thiết tuyến ĐH 2.PS (đoạn Phước Thành - Phước Lộc), huyện Phước Sơn
II	HUYỆN HIỆP ĐỨC (01 danh mục)		50,05	2,36	2,36	-	-	-	
A	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đến năm 2020 (01 danh mục)		50,05	2,36	2,36	-	-	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		50,05	2,36	2,36	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 14E đoạn Km15+270 - Km89+700, tỉnh Quảng Nam	Xã Bình Lâm, Quế Thọ, Thị trấn Tân Bình, xã Sông Trà	50,05	2,36	2,36				Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 14E đoạn Km15+270- Km89+700, tỉnh Quảng Nam
III	HUYỆN NÔNG SƠN (04 danh mục)		7,60	0,98	0,98	-	-	-	

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
A	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đến năm 2020 (04 danh mục)		7,60	0,98	0,98	-	-	-	
*	Vốn ngân sách (04 danh mục)		7,60	0,98	0,98	-	-	-	
1	Đường giao thông ĐT611, đoạn từ Cầu Dài (lý trình Km36+858) đến ngã ba Cây Muồng; hạng mục: vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước	Thôn Trung Phước 2 và Phước Viên, xã Quế Trung	0,32	0,25	0,25				Quyết định số 6790/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
2	Đường tránh lũ đoạn từ CK55 đi cầu Đồng Miếu	Xã Quế Trung	3,40	0,30	0,30				Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 25/12/2021 của HĐND huyện Nông Sơn về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của huyện Nông Sơn.
3	Đường tránh lũ đoạn từ CK55 đi cầu Đồng Miếu	Xã Quế Lộc	2,80	0,40	0,40				Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 25/12/2021 của HĐND huyện Nông Sơn về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của huyện Nông Sơn.
4	Nâng cấp đường giao thông thôn Lộc Tây, đoạn từ Trạm Tin đến nhà văn hóa thôn Lộc Tây	Thôn Lộc Tây, xã Quế Lộc	1,08	0,03	0,03				Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 25/12/2021 của HĐND huyện Nông Sơn về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của huyện Nông Sơn
IV	HUYỆN QUẾ SƠN (07 danh mục)		9,48	4,44	3,45	0,99	-	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đất đến năm 2020 (06 danh mục)		7,58	2,94	1,95	0,99	-	-	
*	Vốn ngân sách (06 danh mục)		7,58	2,94	1,95	0,99	-	-	
1	Cầu Sông Cát	Xã Quế Thuận	0,77	0,20	0,20				Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã thành phố và các đơn vị khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các đợt thiên tai năm 2021.
2	Kênh Ông Trọ	Xã Quế Phú	0,69	0,30	0,30				Công văn số 1566/UBND-KTN ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về việc di dời và hoàn trả kênh Ông Trọ thuộc hệ thống kênh N24 Bắc Phú Ninh để thực hiện dự án Mở rộng mặt đường ĐH3.QS (Quế Phú - Quế Cường); Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng mặt đường ĐH3.QS (Quế Phú - Quế Cường)
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng cầu Chim	Thôn Xuân Quê, xã Quế Long	1,60	0,95	0,50	0,45			Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Quế Sơn phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư nâng cấp, mở rộng cầu Chim, xã Quế Long.

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp				Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó			
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	
4	Cầu Bến Lội	Xã Quế Phong	1,90	0,70	0,50	0,20		- Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam V/vhỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng một số công trình dân sinh trên địa bàn huyện Quế Sơn; - Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cầu Bến Lội, xã Quế Phong
5	Dự án sửa chữa, khôi phục đảm bảo giao thông do xuống cấp hư hỏng sau bão lũ công trình Cầu Liêu Km1 + 255, tuyến ĐT 611 B	Xã Quế An, TT. Đông Phú	2,12	0,34		0,34		Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa khôi phục đảm bảo giao thông do xuống cấp, hư hỏng do bão lũ công trình cầu Liêu Km 1 + 255, tuyến ĐT. 611B, huyện Quế Sơn.
6	Bia chứng tích cuộc đấu tranh chính trị Cầu Sông Con tết Mậu Thân năm 1968	TT Đông Phú	0,50	0,45	0,45			Nghi quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh về Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025
B	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đất đến năm 2020 (01 danh mục)		1,90	1,50	1,50	-	-	-
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		1,90	1,50	1,50	-	-	-
1	Khu dân cư trung tâm xã Quế Xuân 2 (Khu OM1, OM2, OM3, OM4), thôn Phú Nguyên	Xã Quế Xuân 2	1,90	1,50	1,50			Công văn số 20/HĐND-VP ngày 04/5/2022 của HĐND huyện Quế Sơn về thống nhất chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư trung tâm xã Quế Xuân 2 và dự án Khu dân cư trung tâm xã Quế Minh
V	HUYỆN DUY XUYẾN (02 danh mục)		1,81	1,37	1,35	0,02	-	-
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đến năm 2020 (02 danh mục)		1,81	1,37	1,35	0,02	-	-
*	Vốn ngân sách (02 danh mục)		1,81	1,37	1,35	0,02	-	-
1	Tuyến đường ĐH6B.DX nối từ đường 129 đi khu TĐC Duy Hải (giai đoạn 1)	Xã Duy Nghĩa	0,41	0,02		0,02		Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường ĐH6B.DX nối từ đường 129 đi Khu TĐC Duy Hải (giai đoạn 1). Công văn số 721/UBND-KTN ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về chủ trương bổ sung kinh phí bồi thường, GPMB và điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Tuyến đường ĐH6B.DX nối từ đường 129 đi Kh TĐC Duy Hải (giai đoạn 1).

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
2	Mở rộng trường mẫu giáo Duy Vinh	Xã Duy Vinh	1,40	1,35	1,35				Công văn số 3718/UBND - KTN ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh ; Nghị quyết 02/NQ - HĐND ngày 17/4/2018 của HĐND huyện Duy Xuyên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 8096/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện Duy Xuyên phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học huyện Duy Xuyên (giai đoạn 2017-2020)
VI	HUYỆN THẮNG BÌNH (06 danh mục)		18,68	3,39	3,31	0,03	0,05	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (05 danh mục)		17,07	3,34	3,31	0,03	-	-	
*	Vốn ngân sách (05 danh mục)		17,07	3,34	3,31	0,03	-	-	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+270 - Km89+700	Xã Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Quý	11,43	0,85	0,85				Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+270 – Km89+700, tỉnh Quảng Nam
2	Đường giao thông Bình Trung đi Bình Phú tại xã Bình Quế (bổ sung)	Xã Bình Quế	2,25	0,45	0,45				Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường giao thông Bình Trung đi Bình Phú, huyện Thăng Bình
3	Đường giao thông Bình Trung đi Bình Phú tại xã Bình Chánh	Xã Bình Chánh	2,56	1,73	1,73				Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường giao thông Bình Trung đi Bình Phú, huyện Thăng Bình
4	Dự án Mở rộng đường ĐH 7	Xã Bình Phú	0,70	0,21	0,18	0,03			Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về danh mục các công trình Kiên cố hoá đường huyện (ĐH) và đường GTNT kế hoạch năm 2022
5	Dự án Kênh nối trạm bơm tổ 18 đi tổ 15 Bình Phú	Xã Bình Phú	0,13	0,10	0,10				Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Kênh nối trạm bơm tổ 18 đi tổ 15 Bình Phú, hạng mục: kênh và công trình trên kênh tại xã Bình Phú
B	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đến năm 2020 (01 danh mục)		1,61	0,05	-	-	0,05	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		1,61	0,05	-	-	0,05	-	

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
1	Dự án Khu nghỉ trang nhân dân Nam Thăng Bình và đường dẫn (giai đoạn 1) - bổ sung phần diện tích phần đường dẫn và khớp nối hạ tầng kỹ thuật khác	Xã Bình Sa và xã Bình Trung	1,61	0,05			0,05		Nghi quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022
VII	HUYỆN PHÚ NINH (01 danh mục)		2,50	0,25	-	0,25	-	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đất đến năm 2020 (01 danh mục)		2,50	0,25	-	0,25	-	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		2,50	0,25	-	0,25	-	-	
1	Tu bổ, mở rộng di tích lịch sử cấp quốc gia Nhà lưu niệm cụ Phan Châu Trinh	Xã Tam Lộc	2,50	0,25		0,25			Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tu bổ, mở rộng di tích lịch sử cấp quốc gia Nhà lưu niệm cụ Phan Châu Trinh
VIII	HUYỆN BẮC TRÀ MY (03 danh mục)		3,62	0,61	0,33	0,06	0,22	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đất đến năm 2020 (03 danh mục)		3,62	0,61	0,33	0,06	0,22	-	
*	Vốn ngân sách (02 danh mục)		0,33	0,33	0,33	-	-	-	
1	Đường giao thông thôn 1	Xã Trà Nú	0,18	0,18	0,18				NQ số 26/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND huyện về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Bắc Trà My
2	Đường giao thông thôn 2	Xã Trà Nú	0,15	0,15	0,15				NQ số 26/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND huyện về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Bắc Trà My
*	Vốn ngoài ngân sách (01 danh mục)		3,29	0,28	-	0,06	0,22	-	
1	Đường điện 110kV (Hạng mục móng trụ và Trạm cắt)	Xã Trà Giác, Trà Đốc, Trà Bui	3,29	0,28		0,06	0,22		Công văn số 222/2021/CV-CL ngày 09/12/2021 của Công ty CPTV&PT điện Cửu Long; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về điều chỉnh chỉ tiêu CMD sử dụng đất rừng phòng hộ tại các huyện: Nam Trà My, Bắc Trà My và thành phố Tam Kỳ; Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư
IX	HUYỆN NAM TRÀ MY (02 danh mục)		18,70	1,30	-	1,30	-	-	
A	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (02 danh mục)		18,70	1,30	-	1,30	-	-	
*	Vốn ngân sách (02 danh mục)		18,70	1,30	-	1,30	-	-	

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
1	Đường giao thông vào KDC làng Lê Trà Don	Xã Trà Don	9,10	0,30		0,30			Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND huyện Nam Trà My phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông vào KDC làng Lê Trà Don (Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình)
2	Đường từ TTHC xã Trà Nam (cầu nước Tung) đi thôn 2 và thôn 3 Trà Nam	Xã Trà Nam	9,60	1,00		1,00			Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện Nam Trà My phê duyệt danh mục khởi công mới và giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án đầu tư CSHT thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 (Tiểu dự án 1 - Dự án 1)
X	HUYỆN NÚI THÀNH (07 danh mục)		50,36	14,23	6,43	0,28	7,52	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (06 danh mục)		23,92	6,71	6,43	0,28	-	-	
*	Vốn ngân sách (06 danh mục)		23,92	6,71	6,43	0,28	-	-	
1	Bồi thường GPMB Cụm Công nghiệp Nam Chu Lai mở rộng (GDD đợt 1)	Xã Tam Nghĩa	3,24	0,54	0,54				Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện về chuyển số dự toán, số dự tạm ứng và chuyển nguồn kinh phí chưa điều hành phân bổ năm 2020 sang năm 2021
2	Đường Lý Thường Kiệt	TT. Núi Thành	4,18	2,00	2,00				Quyết định số 15537/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND huyện Núi Thành bổ sung kinh phí chi đầu tư năm 2021
3	Khu tái định cư Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp	10,55	2,08	2,08				Quyết định số 16888/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện về phân bổ kinh phí và thu hồi kinh phí đã ứng trước thực hiện dự án Khu tái định cư Tam Hiệp
4	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Qua địa phận TT. Núi Thành, Xã Tam Hiệp, Tam Anh Nam, Tam Xuân 1, 2, Tam Thạnh, Tam Sơn, Tam Nghĩa, Tam Quang, Tam Anh Bắc, Tam Tiến	0,60	0,20	0,10	0,10			Quyết định số 1369/QĐ-BCT ngày 24/4/2018 của Bộ Công thương phê duyệt BCNCKT ĐTXD dự án; Quyết định số 814/QĐ-BCT ngày 12/3/2020 của Bộ Công thương phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam; thuộc dự án: Lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (Dự án thành phần 2, giai đoạn 2)

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp					Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
5	Cầu Bến Ván và đường dẫn	TT Núi Thành - Tam Nghĩa	4,50	1,71	1,71				QĐ số 22125/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án Cầu Bến Ván và đường dẫn; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/4/2022 của HĐND huyện Núi Thành về kỳ họp thứ 6 HĐND huyện khóa XII nhiệm kỳ 2021-2025
6	Mở rộng QL1 đoạn Km 996+889-Km996+2189 và cầu Tam Kỳ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Xã Tam Xuân I	0,85	0,18		0,18			QĐ số 1594/QĐ-TCĐBVN ngày 16/3/2022 của Tổng cục đường bộ VN phê duyệt Dự án mở rộng Quốc lộ 1 Đoạn Km996+889 -Km996+2189 và cầu Tam Kỳ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
B	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đến năm 2020 (01 danh mục)		26,44	7,52	-	-	7,52	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		26,44	7,52	-	-	7,52	-	
1	Xây dựng đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B)	Xã Tam Trà	26,44	7,52			7,52		Công văn số 170/HĐND-VP ngày 9/7/2018 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định 1333/QĐ-UBND ngày 8/5/2019 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình; Quyết định 1164/QĐ-UBND ngày 4/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án nộp tiền và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để trồng rừng thay thế.
XI	THÀNH PHỐ TAM KỶ (06 danh mục)		4,48	1,77	1,26	0,28	0,23	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (06 danh mục)		4,48	1,77	1,26	0,28	0,23	-	
*	Vốn ngân sách (06 danh mục)		4,48	1,77	1,26	0,28	0,23	-	
1	Khu tái định cư Tam Thăng (giai đoạn 2)	Xã Tam Thăng	0,23	0,23			0,23		Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND thành phố Tam Kỳ về Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C thực hiện từ năm 2021
2	Nhà sinh hoạt khối phố Đồng Sim (khối phố 5)	Phường Trường Xuân	0,07	0,07	0,07				Quyết định 252/29/10/2018 của UBND phường Trường Xuân về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Công trình: Nhà sinh hoạt văn hoá khối phố 5, phường Trường Xuân.
3	Công viên cảnh quan ven sông Bàn Thạch (Giai đoạn 1)	Phường Tân Thạnh	0,50	0,10	0,10				Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 16/9/2020 của HĐND thành phố Tam Kỳ Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C
4	Khu dân cư - Tái định cư thôn Phú Đông	Xã Tam Phú	0,27	0,27	0,27				Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND thành phố Tam Kỳ về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất nông nghiệp				Ghi chú (Văn bản pháp lý liên quan)
				Tổng cộng	Trong đó			
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	
5	Chỉnh trang đô thị, tạo nguồn vốn ĐTXD cơ sở hạ tầng tại vị trí 03 (21.436,0m2) thôn Phú Đông, xã Tam Phú	Xã Tam Phú	2,14	0,39	0,39			Công văn số 3223/UBND-QLĐT ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Tam Kỳ V/v chủ trương đầu tư Chỉnh trang đô thị, tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Tam Phú
6	Chỉnh trang đô thị, tạo nguồn vốn ĐTXD cơ sở hạ tầng tại các vị trí: + Vị trí 04-1 (3538.0m2); + Vị trí 04-2 (9111.0m2) Thôn Phú Đông, xã Tam Phú	Xã Tam Phú	1,26	0,71	0,43	0,28		Công văn số 3223/UBND-QLĐT ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Tam Kỳ V/v chủ trương đầu tư Chỉnh trang đô thị, tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Tam Phú